

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20/4/2021
V/v “ Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Rô Be
2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc “ *Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021 ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim Th, sinh năm: 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn :* Anh Trần Thanh N, sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:

Chị Trần Thị Kim T và anh Trần Thanh N chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức đám cưới không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép. Sau khi chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống có lối sống không phù hợp hay cũ cũ. Từ đó làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng không thể hàn gắn.

Nay, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung Trần Long V, sinh ngày 20/7/2012 hiện cháu đã có giấy khai sinh và đang ở với chị T.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Tại phiên tòa chị Thoa vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T xin được ly hôn với anh Trần Thanh N.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con tên Trần Long V, sinh ngày 20/07/2012, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho anh Trần Thanh N tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh N đều không có mặt và không có lời trình bày.

Theo biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 01/3/2021 của cháu Trần Long Vinh thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ chị Trần Thị Kim Thoa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Trần Thanh N đang cư trú tại số ấp, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trần Thanh N đã được Tòa án triệu tập họp lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Thanh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T và anh Trần Thanh N tự nguyện xác lập mối quan hệ hôn nhân từ năm 2011 tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35 ngày 09 -6-2000 Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06- 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định “Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của vợ chồng chị Kim T và anh Thanh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống chị Kim T và anh Thanh N luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù anh chị đã nhiều lần cố gắng nếu kéo nhưng không mang lại kết quả và anh chị đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Đồng thời hôn nhân của anh chị có vi phạm về mặt hình thức, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim T và anh Trần Thanh N.

[4] Về con chung: Chị Kim T và anh Thanh N có 01 con chung tên Trần Long V, sinh ngày 20/7/2012 hiện nay cháu V chung sống với chị T. Chị Kim T yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị Trần Thị Kim T Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân từ năm 2014 cho đến nay cháu Trần Long V ở chung với chị Kim T, chị T chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Long V tâm sinh lý phát triển bình thường, chị Kim T có thu nhập ổn định một tháng trên 8 triệu đồng từ nghề buôn bán. Theo nguyện vọng của cháu Trần Long V thì cháu có nguyện vọng ở với chị Kim T .

Khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Từ những Điều luật quy định Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Trần Thị Kim T. Tiếp tục giao cháu Trần Long V, sinh ngày 20/7/2012 cho chị Kim T trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được

cản trở, đồng thời anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06- 01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim T và anh Trần Thanh N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Long V, sinh ngày 20/7/2012 cho chị Kim T trực tiếp, trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định

của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu sè: 0008169 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thanh N quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vĩ

